

Vietnam Daily Review

Tiếp tục giảm điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/9/2022	•		
Tuần 26/9-30/9/2022	•		
Tháng 9/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục sụt gần 8 điểm trong phiên hôm nay với thanh khoản giảm mạnh. Cả ngày, thị trường giằng co trong vùng 1,165 - 1,180. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 13/19 ngành giảm điểm, những ngành giữ được sắc xanh nhẹ trong phiên hôm nay có thể kể đến: Y tế, Ngân hàng, Chứng khoán,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. VN-Index hiện tại đang kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ 1,165. Nếu mất ngưỡng này, thị trường có thể lùi tiếp xuống vùng 1,140-1,150.

Hợp đồng tương lai: Các HĐ đều giảm theo VN30. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/9/2022, các chứng quyền phân hóa theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-7.81** điểm, đóng cửa **1166.54** điểm. HNX-Index **-0.16** điểm, đóng cửa **255.52** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.38)**, **VIB (+0.37)**, **HDB (+0.28)**, **SHB (+0.24)**, **TCB (+0.22)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.98)**, **GAS (-1.02)**, **VIC (-0.97)**, **VNM (-0.85)**, **VCB (-0.84)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9,196** tỷ đồng, giảm **-42.44%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10,618 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.31 điểm. Thị trường có **181** mã tăng, 86 mã tham chiếu, **261** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-388.59** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-89.13 tỷ)**, **NLG (-61.75 tỷ)**, **DXG (-52.06 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-13.51** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1166.54**
Giá trị: 9195.84 tỷ **-7.81 (-0.66%)**
Khối ngoại (ròng): -388.59 tỷ

HNX-INDEX **255.52**
Giá trị: 972.56 tỷ **-0.16 (-0.06%)**
Khối ngoại (ròng): -13.51 tỷ

UPCOM-INDEX **86.71**
Giá trị: 428.39 tỷ **0.03 (0.03%)**
Khối ngoại (ròng): -54 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	78.1	1.86%
Giá vàng	1,637	0.88%
Tỷ giá USD/VND	23,732	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,831	0.21%
Tỷ giá JPY/VND	16,444	0.00%
LS liên NH 1 tháng	5.4%	0.47%
LS TPCP 5 năm	4.3%	0.02%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	48.37	VNM	-89.13
SSI	13.56	NLG	-61.75
MWG	11.28	DXG	-52.06
FRT	7.73	DGC	-33.40
POW	6.34	KDH	-29.04

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/8/2022	DRC	29.5	34	27.5	30.25	53	2.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:								(**) Tiệm cận giá mục tiêu

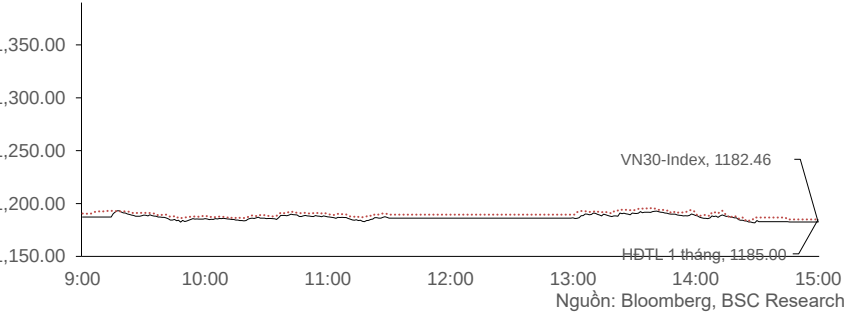
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
8/4/2022	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
8/3/2022	REE	81.2	93	78.5	SL	54	-3.33%
8/2/2022	POW	13.75	16	13	SL	55	-5.45%
8/1/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	SL	46	-6.42%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
7/18/2022	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm		

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	1	0	2.54%	0.00%	2.54%	53
Cổ phiếu đã chốt	250	227	7.06%	-7.49%	4.08%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2210	1185.00	-0.59%	2.54	-4.0%	299,829	10/20/2022	25
VN30F2211	1183.40	-0.04%	0.94	180.5%	1,809	11/17/2022	53
VN30F2212	1184.50	-0.46%	2.04	-61.5%	82	12/15/2022	81
VN30F2203	1188.50	-0.04%	6.04	-82.4%	33	3/16/2023	172

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -4.76 điểm xuống 1182.46 điểm, biên độ dao động 12.36 điểm. Các cổ phiếu như VHM, VNM, VIC, FPT, và MWG đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Sau phiên bán tháo hôm qua, hôm nay tâm lý lưỡng lự bao trùm khiến chỉ số VN30 giằng co, thanh khoản yếu đáng kể. Thị trường sẽ còn biến động khó lường trong ngắn hạn. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.
- Các HĐ đều giảm theo VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm trừ VN30F2211. Xét về vị thế mở, HĐ VN30F2212 và VN30F2303 giảm, các HĐ còn lại tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2205	10/20/2022	23	5:1	157,700	32.92%	1,000	120	33.33%	24	4.92	29,311	27,111	19,300
CMSN2210	1/13/2023	108	8:1	1,900	41.89%	1,000	970	8.99%	1,172	0.83	126,480	116,000	107,700
CTCB2209	12/26/2022	90	3:1	14,500	31.79%	3,000	1,920	3.78%	982	1.96	44,170	34,000	33,500
CFPT2206	12/12/2022	76	4.94:1	284,400	32.84%	1,000	1,130	2.73%	483	2.34	99,588	92,000	80,500
CNVL2209	12/9/2022	73	10:1	100	24.76%	1,300	970	0.00%	328	2.96	96,368	86,868	84,500
CNVL2206	1/3/2023	98	16:1	112,100	24.76%	1,000	760	0.00%	334	2.27	97,599	83,999	84,500
CPOW2208	3/10/2023	164	4:1	10,100	49.67%	1,000	560	0.00%	315	1.78	18,302	15,222	12,950
CTCB2207	1/13/2023	108	3:1	7,900	31.79%	1,000	370	0.00%	152	2.44	45,730	43,000	33,500
CMSN2202	10/7/2022	10	8.27:1	33,900	41.89%	2,220	20	0.00%	19	1.06	129,266	127,552	107,700
CKDH2210	12/26/2022	90	4:1	268,600	31.29%	3,000	350	-2.78%	145	2.42	43,720	39,000	29,400
CSTB2211	12/27/2022	91	8:1	884,500	45.29%	1,000	260	-3.70%	168	1.55	27,893	23,333	20,500
CVPB2208	12/12/2022	76	3:1	68,200	36.47%	3,000	1,420	-4.70%	1,059	1.34	34,690	28,000	27,400
CVRE2210	12/7/2022	71	4:1	599,700	39.53%	2,300	660	-7.04%	574	1.15	32,400	28,800	26,650
CVRE2209	12/27/2022	91	8:1	123,700	39.53%	1,000	250	-7.41%	209	1.20	33,848	30,888	26,650
CKDH2209	3/28/2023	182	7.26:1	2,200	31.29%	1,200	470	-9.62%	301	1.56	44,257	36,344	29,400
CMSN2208	10/7/2022	10	14.8:1	6,700	41.89%	2,400	460	-11.54%	601	0.77	120,217	104,233	107,700
CVHM2207	10/19/2022	22	7.77:1	900	25.03%	2,000	70	-12.50%	0	547.01	72,872	73,000	54,100
CVNM2206	10/19/2022	22	8.7:1	10,000	27.62%	1,950	400	-13.04%	128	3.13	84,175	80,000	72,400
CVRE2213	3/10/2023	164	5:1	300	39.53%	1,100	620	-23.46%	439	1.41	36,249	31,999	26,650
CVNM2205	10/20/2022	23	15.4:1	195,800	27.62%	1,000	150	-25.00%	83	1.81	85,072	79,999	72,400
Tổng		2,783,200	34.87%**										

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/9/2022, các chứng quyền phân hóa theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVJC2203 và CHPG2214 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 144.82% và 100%. Giá trị giao dịch giảm -2.01%. CHDB2205 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.41%.
- CSTB2214, CPNJ2202, CMSN2212, và CPOW2206 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2205, CHDB2206, CVIC2203, và CHDB2208 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2207, CHPG2216, CMWG2208, và CMWG2209 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

BSC

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	67.1	-1.3%	0.6	4,270	4.5	3,436	19.5	4.4	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	111.1	0.0%	0.6	1,188	1.9	5,978	18.6	3.4	49.0%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	57.4	-0.9%	1.1	1,853	2.5	2,411	23.8	1.9	26.4%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	43.3	-1.1%	0.7	441	0.1	3,289	13.2	1.3	58.6%	9.9%
VIC	Bất động sản	61.0	-1.6%	0.5	10,115	1.7	(60)	#N/A N/A	2.2	12.2%	-0.2%
VRE	Bất động sản	26.7	0.0%	1.1	2,633	1.5	571	46.7	1.9	32.1%	4.2%
VHM	Bất động sản	54.1	-3.2%	0.8	10,242	3.0	6,478	8.4	1.9	23.1%	25.9%
DXG	Bất động sản	21.5	-6.9%	1.4	568	17.1	1,223	17.6	1.4	29.0%	8.2%
SSI	Chứng khoán	19.6	0.3%	1.8	1,266	9.4	2,674	7.3	1.5	34.6%	22.0%
VCI	Chứng khoán	30.8	0.3%	1.0	583	5.1	3,497	8.8	1.9	17.0%	24.3%
HCM	Chứng khoán	25.9	0.4%	1.6	515	5.7	2,522	10.3	1.5	40.8%	17.5%
FPT	Công nghệ	80.5	-1.2%	0.9	3,840	3.3	4,512	17.8	4.5	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	66.7	2.6%	0.4	952	0.0	4,926	13.5	3.6	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	111.5	-1.8%	1.0	9,278	1.1	6,669	16.7	3.6	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	35.4	-1.9%	1.5	1,956	2.1	723	49.0	1.9	17.5%	3.8%
PVS	Dầu khí	23.5	-1.7%	1.6	488	4.4	1,104	21.3	0.9	10.8%	4.4%
BSR	Dầu khí	21.6	-1.4%	0.8	2,912	4.5	2,108	10.2	1.8	41.1%	19.1%
DHG	Dược	88.6	1.4%	0.3	504	0.0	6,361	13.9	3.1	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	46.9	0.9%	1.4	798	5.0	14,563	3.2	1.4	15.2%	51.9%
DCM	Hóa chất	34.9	-0.7%	1.3	802	7.2	7,025	5.0	1.9	8.5%	44.7%
VCB	Ngân hàng	74.3	-0.9%	0.8	15,288	2.1	5,273	14.1	2.9	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	33.7	0.9%	1.2	7,412	0.9	2,562	13.2	1.9	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	23.5	-0.2%	1.5	4,900	2.5	3,056	7.7	1.1	26.9%	15.1%
VPB	Ngân hàng	27.4	-0.7%	1.2	5,332	15.5	3,755	7.3	1.3	17.7%	22.2%
MBB	Ngân hàng	20.2	0.5%	1.3	3,982	3.5	3,467	5.8	1.4	23.2%	26.0%
ACB	Ngân hàng	22.4	0.9%	1.1	3,289	1.4	3,482	6.4	1.5	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	59.0	0.9%	0.7	210	0.1	4,413	13.4	2.0	85.1%	15.2%
NTP	Nhựa	38.8	0.8%	0.6	219	0.0	3,914	9.9	1.7	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	18.1	-1.1%	1.6	865	0.1	178	101.7	1.4	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.4	0.0%	1.1	5,663	8.8	4,747	4.7	1.3	21.0%	31.8%
HSG	Thép	15.1	-0.7%	1.6	393	2.9	3,511	4.3	0.8	4.3%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	72.4	-2.2%	0.5	6,579	7.7	4,055	17.9	4.4	55.1%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	185.3	0.2%	0.8	5,166	0.7	7,018	26.4	5.2	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	107.7	0.0%	1.0	6,667	1.6	7,172	15.0	5.3	29.0%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	16.4	-1.8%	1.6	447	0.8	1,381	11.8	1.2	7.8%	8.3%
ACV	Vận tải	82.8	0.4%	0.8	7,837	0.0	363	228.2	4.8	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	110.5	0.4%	1.1	2,602	1.3	176	627.2	3.5	16.2%	0.6%
HVN	Vận tải	14.1	-1.4%	1.7	1,353	0.4	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	47.4	0.0%	1.0	621	0.9	2,705	17.5	2.1	47.1%	12.5%
PVT	Vận tải	19.9	0.3%	1.4	280	1.6	1,982	10.0	1.2	14.4%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	68.0	-0.7%	0.9	473	0.3	10,334	6.6	2.2	2.9%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	53.0	-5.4%	0.7	1,033	1.5	4,350	12.2	3.1	5.2%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.9	3.8%	1.1	246	0.5	505	29.4	1.1	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	67.4	0.6%	1.2	216	1.2	(958)	#N/A N/A	0.6	52.6%	-0.8%
CII	Xây dựng	19.5	-3.9%	1.5	214	4.0	1,446	13.5	0.9	8.6%	6.9%
REE	Điện	78.9	0.5%	-1.4	1,219	1.9	6,593	12.0	2.0	49.1%	17.7%
PC1	Điện	36.1	0.3%	-0.4	369	1.8	2,081	17.4	1.7	4.5%	10.5%
POW	Điện	13.0	1.2%	0.6	1,319	5.3	676	19.2	1.0	2.7%	5.3%
NT2	Điện	31.8	4.3%	0.6	398	2.5	3,116	10.2	2.1	13.9%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	27.5	-1.3%	1.6	918	5.6	324	84.8	1.5	17.2%	2.1%
BCM	Khu công nghiệp	93.0	-1%	0.9	4,185	0.6	1,640	56.7	5.5	2.8%	11.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	33.70	0.90	0.38	607300
VIB	23.25	3.10	0.37	3.85MLN
HDB	19.30	2.88	0.28	1.59MLN
SHB	12.75	2.82	0.24	7.97MLN
TCB	33.50	0.75	0.22	2.34MLN

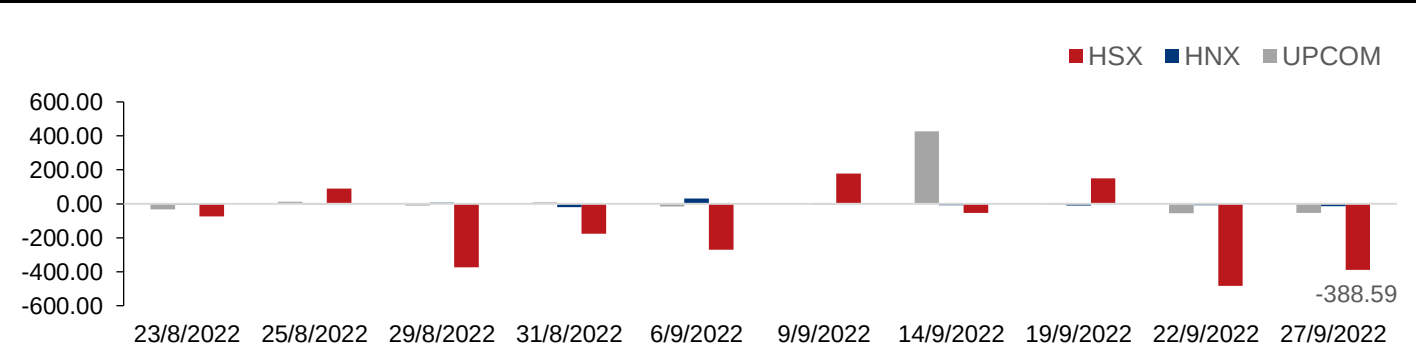
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.97	639100	1.11MLN
GAS	0.00	-0.85	2.42MLN	607060
VIC	0.00	-0.84	653400	373600
VNM	-0.01	-0.45	628800	192700
VCB	0.00	-0.40	3.69MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VPD	24.60	6.96	0.04	68700.00
YBM	7.69	6.95	0.00	50000
HHS	6.48	6.93	0.03	3.59MLN
TNI	4.04	6.88	0.00	638700
LEC	11.95	6.70	0.01	5000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	54.10	-3.22	-1.98	1.24MLN
GAS	111.50	-1.85	-1.02	215200
VIC	61.00	-1.61	-0.97	639100.00
VNM	72.40	-2.16	-0.85	2.42MLN
VCB	74.30	-0.93	-0.84	653400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	82.8	363	228.2	4.8	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	111.1	5,978	18.6	3.4	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	19.3	0	#N/A N/A	0.8	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	80.5	4,512	17.8	4.5	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	59.0	4,413	13.4	2.0	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	56.2	4,637	12.1	2.2	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	29.4	1,755	16.8	1.9	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	45.2	9,171	4.9	1.6	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	79.7	11,226	7.1	2.0	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	60.0	4,901	12.2	2.5	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	21.6	2,108	10.2	1.8	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	31.8	1,966	16.1	1.4	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	21.5	1,223	17.6	1.4	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	22.4	4,747	4.7	1.3	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	23.1	1,127	20.5	1.1	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	46.9	14,563	3.2	1.4	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	14.9	505	29.4	1.1	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	31.8	3,116	10.2	2.1	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	19.3	0	#N/A N/A	0.8	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	29.6	2,692	11.0	1.0	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	22.7	1,168	19.4	2.1	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	36.1	2,081	17.4	1.7	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.0	676	19.2	1.0	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	19.3	6,984	2.8	0.8	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	78.9	6,593	12.0	2.0	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	37.5	4,406	8.5	1.0	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	111.5	6,669	16.7	3.6	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	42.3	3,842	11.0	1.9	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	22.4	4,747	4.7	1.3	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	14.5	4,170	3.5	1.5	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	21.6	2,108	10.2	1.8	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	67.0	3,616	18.5	5.7	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	111.1	5,978	18.6	3.4	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	14.7	1,889	7.8	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	31.8	3,116	10.2	2.1	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	69.1	10,763	6.4	1.3	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	78.7	5,014	15.7	5.1	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	36.1	2,081	17.4	1.7	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	16.0	179	89.1	0.8	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	80.5	4,512	17.8	4.5	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	30.3	2,277	13.3	2.1	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	19.3	6,984	2.8	0.8	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.0	676	19.2	1.0	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	111.1	5,978	18.6	3.4	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	67.1	3,436	19.5	4.4	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.9	1,982	10.0	1.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
9	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
14	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
17	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
19	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
23	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
26	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
29	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
32	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THỂ GIỚI	x		Click
33	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
35	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
39	Banking Sector Outlook		x	Click
40	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
42	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639